

ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI TRONG THỰC HIỆN CÔNG BẰNG XÃ HỘI Ở VIỆT NAM: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

Nguyễn Thúy Mai
Đại học Hoa Lư, Ninh Bình

Tóm tắt: Bài viết này làm rõ vai trò của an sinh xã hội như một công cụ then chốt để hiện thực hóa công bằng xã hội tại Việt Nam trong bối cảnh hiện nay. Bài viết phân tích cơ sở lý luận, thực trạng chính sách hiện hành và đề xuất các giải pháp chiến lược nhằm hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội một cách toàn diện, linh hoạt và bền vững – bảo đảm quyền lợi và phúc lợi cho mọi công dân, đặc biệt là các nhóm dễ bị tổn thương.

Từ khóa: An sinh xã hội, Công bằng xã hội, Chính sách phúc lợi, Phát triển bao trùm, Việt Nam

ENSURING SOCIAL SECURITY IN THE PURSUIT OF SOCIAL JUSTICE IN VIETNAM: THEORETICAL AND PRACTICAL ISSUES

Nguyen Thuy Mai
Hoa Lu University, Ninh Binh

Abstract: This paper clarifies the role of social security as a key instrument for realizing social justice in Vietnam under contemporary conditions. It analyzes the theoretical foundations, current policy landscape, and proposes strategic solutions to improve the social security system in a comprehensive, flexible, and sustainable manner—ensuring the rights and welfare of all citizens, especially vulnerable groups.

Key words: Social security, Social justice, Welfare policy, Inclusive development, Vietnam

Nhận bài: 18/04/2025

Phản biện: 15/05/2025

Duyệt đăng: 19/05/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Công bằng xã hội là một mục tiêu cốt lõi, xuyên suốt trong tiến trình xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng, chuyển đổi số mạnh mẽ và nhiều thách thức phi truyền thống như biến đổi khí hậu, già hóa dân số, dịch bệnh..., yêu cầu đảm bảo công bằng xã hội ngày càng trở nên cấp thiết. An sinh xã hội (ASXH) là một trong những công cụ thiết thực và hiệu quả để cụ thể hóa công bằng xã hội. Đảm bảo ASXH không chỉ là chính sách kinh tế - xã hội mà còn là biểu hiện sinh động cho bản chất nhân văn, tiến bộ của chế độ xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, việc thực hiện ASXH ở Việt Nam hiện nay còn đối mặt với nhiều khó khăn, bất cập, đòi hỏi phải tiếp tục hoàn thiện về mặt nhận thức lý luận và đổi mới thực tiễn triển khai.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1 Một số vấn đề lý luận về an sinh xã hội và công bằng xã hội

2.1.1. Khái niệm và vai trò của an sinh xã hội

An sinh xã hội là hệ thống các chính sách, chương trình và biện pháp do Nhà nước tổ chức thực hiện nhằm bảo vệ và hỗ trợ các cá nhân, cộng đồng trước những rủi ro kinh tế - xã hội (thất nghiệp, bệnh tật, tai nạn lao động, tuổi già, thiên tai...), đồng thời đảm bảo tiếp cận các dịch vụ cơ bản như y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, trợ giúp xã hội.

Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) định nghĩa ASXH là “sự bảo vệ mà xã hội dành cho các thành viên của mình thông qua một loạt các biện pháp công cộng để chống lại tình trạng nghèo đói, bất bình đẳng và rủi ro trong cuộc sống.”

ASXH có vai trò then chốt trong phát triển bền vững, giảm bất bình đẳng, nâng cao phúc lợi xã hội và ổn định chính trị - xã hội. Đây cũng là công cụ cụ thể để Nhà nước thực hiện chức năng tái phân phối thu nhập, điều tiết thị trường, tạo cơ hội phát triển đồng đều cho các nhóm xã hội.

2.1.2. Công bằng xã hội và mối quan hệ với an sinh xã hội

Công bằng xã hội được hiểu là sự đối xử bình đẳng, hợp lý giữa các thành viên trong xã hội về cơ hội tiếp cận các nguồn lực, cơ hội phát triển và thụ hưởng thành quả phát triển. Công bằng xã hội không đồng nghĩa với cao bằng, mà nhấn mạnh đến sự bình đẳng trong tiếp cận và phân phối theo nhu cầu, công sức và hoàn cảnh cụ thể của từng đối tượng.

An sinh xã hội là công cụ hữu hiệu để hiện thực hóa công bằng xã hội. Thông qua các chính sách như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp thất nghiệp, trợ giúp xã hội, ASXH giúp thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo, bảo vệ nhóm yếu thế, giảm thiểu rủi ro và bất công trong đời sống xã hội.

2.1.3. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo đảm an sinh

xã hội và thực hiện công bằng xã hội trong Chủ nghĩa xã hội và Chủ nghĩa cộng sản

Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đều nhất quán khẳng định rằng an sinh xã hội (ASXH) và công bằng xã hội là những giá trị cốt lõi, phản ánh bản chất nhân đạo, tiến bộ và ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Đây không chỉ là mục tiêu mà còn là phương tiện để hiện thực hóa quyền con người, đảm bảo phát triển bền vững, hài hòa và công bằng cho mọi tầng lớp nhân dân.

Trong hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, công bằng xã hội được tiếp cận từ góc độ lịch sử - giai cấp. Mác và Ăngghen khẳng định rằng trong chế độ tư bản chủ nghĩa, sự bất công trong phân phối thu nhập, sở hữu tư liệu sản xuất và tiếp cận các nguồn lực xã hội là nguyên nhân sâu xa của bất bình đẳng và khủng hoảng xã hội. Chủ nghĩa xã hội – với chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu và sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua nhà nước chuyên chính vô sản – chính là phương thức lịch sử để xóa bỏ những bất công đó.

Mục tiêu tối thượng trong chế độ cộng sản, theo Mác, là thiết lập một xã hội mà ở đó “mỗi người làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu”. Nguyên tắc này thể hiện đỉnh cao của công bằng xã hội, bởi nó vượt lên trên cơ chế trao đổi tương ứng giữa lao động và thu nhập như trong xã hội tư bản. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội – khi năng lực sản xuất còn hạn chế và ý thức xã hội chưa phát triển đầy đủ – phân phối chủ yếu vẫn dựa trên nguyên tắc “làm theo lao động”. Tuy nhiên, để từng bước hiện thực hóa công bằng xã hội, Nhà nước xã hội chủ nghĩa cần đóng vai trò trung tâm trong việc tái phân phối của cải xã hội, thiết lập hệ thống ASXH toàn diện, chăm lo lợi ích thiết thực của người lao động, người nghèo, người yếu thế.

V.I. Lênin đã nhấn mạnh vai trò của Nhà nước trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội: “Chúng ta phải xây dựng một nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân, để phục vụ lợi ích của quảng đại nhân dân lao động.” Ông đặc biệt coi trọng việc thiết lập các chính sách phúc lợi xã hội, như bảo hiểm lao động, y tế công cộng, giáo dục miễn phí, như những trụ cột nền tảng để củng cố tính chính đáng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Hồ Chí Minh là người kế thừa và phát triển sáng tạo các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện thực tiễn Việt Nam. Người xác định rõ: con người là trung tâm, là mục tiêu và cũng là động lực của sự phát triển xã hội. Trong các bài viết, bài nói và chính sách cụ thể, Hồ Chí

Minh luôn nhấn mạnh trách nhiệm của Đảng và Nhà nước trong việc đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Người khẳng định: “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”. Với quan điểm đó, việc xây dựng một hệ thống ASXH toàn dân, phục vụ nhân dân, chăm lo cho người nghèo, người già, người tàn tật, thương binh liệt sĩ... là nhiệm vụ thiêng liêng và thường xuyên.

Hồ Chí Minh cũng cho rằng công bằng xã hội không chỉ nằm ở kết quả phân phối, mà còn trong việc bảo đảm quyền bình đẳng về cơ hội phát triển: học tập, làm việc, sáng tạo và cống hiến. Theo Người, muốn thực hiện được công bằng xã hội, phải gắn chặt với dân chủ và đạo đức cách mạng, coi trọng lòng nhân ái, tinh thần “thương người như thể thương thân” của dân tộc.

Tóm lại, chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh coi ASXH là công cụ quan trọng để thực hiện công bằng xã hội, là thước đo quan trọng cho tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Việc vận dụng đúng đắn các quan điểm này vào hoạch định và triển khai chính sách ASXH ở Việt Nam hiện nay là điều kiện cần thiết để hiện thực hóa mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

2.2. Thực trạng đảm bảo an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Những thành tựu nổi bật

Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng trong phát triển hệ thống ASXH. Hệ thống chính sách ngày càng hoàn thiện: Các luật liên quan đến an sinh xã hội như Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế, Luật Việc làm, Luật Người cao tuổi, Luật Người khuyết tật, Luật Ưu đãi người có công với cách mạng... đã được ban hành và thường xuyên cập nhật, bổ sung để phù hợp với bối cảnh và yêu cầu phát triển mới.

Tính đến năm 2023, cả nước có khoảng 18,26 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội (chiếm 39,25% lực lượng lao động trong độ tuổi), trong đó có khoảng 1,83 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện (tương đương 3,92% lực lượng lao động), vượt 1,42 điểm phần trăm so với mục tiêu đề ra trong Nghị quyết số 28-NQ/TW.

Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế (BHYT) toàn dân đạt 93,35% dân số, đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia có mức độ bao phủ BHYT cao hàng đầu trong khu vực ASEAN. Đây là kết quả của những nỗ lực không ngừng trong việc hoàn thiện chính sách, mở rộng diện bao phủ, đơn giản hóa thủ tục hành chính và tăng cường tiếp cận dịch vụ y tế công bằng, chất lượng. Việc gần

như toàn bộ dân số được bảo vệ trước các rủi ro về sức khỏe là minh chứng rõ rệt cho hiệu quả của chính sách an sinh xã hội trong hiện thực hóa công bằng xã hội.

Theo báo cáo của Bộ LĐ-TB&XH, hiện có hơn 3,8 triệu người đang nhận trợ cấp xã hội (chiếm 3,8% dân số), với tổng kinh phí khoảng 32.000 tỷ đồng/năm, bao gồm người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em mồ côi và hộ nghèo. Điều này thể hiện sự bao phủ có hệ thống để chăm lo đời sống những đối tượng yếu thế trong xã hội. Việc mở rộng diện thụ hưởng qua từng năm cùng với tăng mức chuẩn trợ cấp (từ 360.000 đồng lên 500.000 đồng/tháng năm 2024) cho thấy chính sách trợ cấp xã hội đang ngày càng phản ánh nhu cầu thực tế, giúp người hưởng có thể trang trải cuộc sống cơ bản, giảm thiểu rủi ro về nghèo đói đột xuất. Ngân sách trợ cấp xã hội tăng từ khoảng 15.000 tỷ năm 2016 lên 32.000 tỷ đồng năm 2024, tương ứng mức chi tăng 113%, thể hiện sự ưu tiên mạnh mẽ của Nhà nước trong củng cố hệ thống an sinh xã hội.

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều đã giảm xuống còn 2,93%, tương ứng với khoảng 815.101 hộ, giảm 1,1 điểm phần trăm so với cuối năm 2022. Đây là dấu hiệu rõ rệt cho nỗ lực bền bỉ của Nhà nước trong công tác giảm nghèo toàn diện, không chỉ cải thiện điều kiện sống của người dân mà còn tạo nền tảng vững chắc cho công bằng xã hội. Việc giảm tỷ lệ nghèo đa chiều còn giúp giải phóng nguồn lực lao động và thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội, góp phần thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, nhất là miền núi và đô thị.

Ngoài ra, các chương trình như bảo đảm việc làm, hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng bởi COVID-19, chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã tạo ra nhiều chuyển biến tích cực trong việc ổn định đời sống nhân dân, phục hồi thị trường lao động, thu hẹp khoảng cách phát triển vùng miền, đồng thời mang lại hiệu quả thiết thực trong thực hiện công bằng xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và củng cố niềm tin của người dân vào chính sách của Đảng và Nhà nước.

2.2.2. Những hạn chế, thách thức

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, việc thực hiện chính sách an sinh xã hội tại Việt Nam hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế và thách thức cần được nhận diện rõ ràng và có giải pháp khắc phục kịp thời.

Tỷ lệ tham gia BHXH bắt buộc còn thấp, chỉ đạt khoảng 39% lực lượng lao động năm 2023. Điều này phản ánh thực trạng phần lớn lao động

trong khu vực phi chính thức (chiếm hơn 60% tổng lực lượng lao động) vẫn chưa được tiếp cận và thụ hưởng chính sách BHXH, gây ra khoảng trống lớn trong hệ thống an sinh xã hội, đặc biệt trong bảo đảm hưu trí và an toàn thu nhập khi hết tuổi lao động.

Mức chi cho an sinh xã hội so với GDP còn hạn chế, chỉ chiếm khoảng 6,7% GDP năm 2022, thấp hơn nhiều so với mức trung bình 20–25% ở các quốc gia thuộc OECD. Điều này cho thấy nguồn lực đầu tư cho ASXH ở Việt Nam còn khiêm tốn, chưa tương xứng với yêu cầu phát triển và mục tiêu công bằng xã hội.

Chênh lệch tỷ lệ nghèo giữa các vùng miền còn lớn. Tỷ lệ nghèo đa chiều tại các vùng như Tây Bắc, Tây Nguyên vẫn ở mức cao, gấp 3–4 lần so với trung bình cả nước. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc thiết kế các chính sách ASXH mang tính đặc thù vùng miền, bảo đảm nguyên tắc phân bổ nguồn lực dựa trên nhu cầu và mức độ thiệt thòi.

Thiếu hụt dữ liệu và nền tảng số để tích hợp, liên thông và giám sát các chính sách ASXH một cách hiệu quả. Việc thiếu đồng bộ trong cơ sở dữ liệu dân cư, bảo hiểm, trợ giúp xã hội... gây khó khăn cho công tác hoạch định, theo dõi và đánh giá chính sách, làm giảm tính chính xác và hiệu quả trong triển khai thực tế.

Biến đổi khí hậu và già hóa dân số cũng tác động mạnh tới ASXH của Việt Nam. Việt Nam được dự báo sẽ bước vào giai đoạn dân số già từ năm 2036. Cùng với các rủi ro từ thiên tai, dịch bệnh và biến đổi khí hậu, hệ thống an sinh xã hội đang chịu áp lực rất lớn trong việc bảo đảm bền vững tài chính quỹ bảo hiểm, mở rộng dịch vụ chăm sóc dài hạn và bảo vệ nhóm dân cư dễ bị tổn thương trong bối cảnh mới.

Những thách thức nêu trên không chỉ là trở ngại kỹ thuật – chính sách, mà còn là vấn đề có tính chiến lược, đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ của toàn hệ thống chính trị, với cách tiếp cận đổi mới, linh hoạt, hiện đại và nhân văn hơn để thực sự bảo đảm an sinh xã hội toàn diện, hướng tới công bằng xã hội bền vững.

2.3. Một số giải pháp đảm bảo an sinh xã hội để thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam

Để thực hiện hiệu quả công bằng xã hội thông qua hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam, thời gian tới cần triển khai đồng bộ các giải pháp có tính chiến lược, phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước hiện nay:

Một là, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính

sách ASXH. Căn cứ vào yêu cầu đồng bộ hóa thể chế và tính bao trùm trong tiếp cận an sinh, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật là ưu tiên hàng đầu. Nội dung trọng tâm là tiếp tục sửa đổi, bổ sung các luật: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Việc làm và Trợ giúp xã hội theo hướng mở rộng diện bao phủ, tăng tính linh hoạt và lồng ghép hiệu quả với chính sách phát triển vùng khó khăn. Biện pháp thực hiện bao gồm: nâng cao chất lượng xây dựng chính sách dựa trên bằng chứng, tăng cường tham vấn chính sách với người dân, địa phương và chuyên gia; đẩy nhanh tiến độ xây dựng luật BHXH sửa đổi đang trình Quốc hội.

Hai là, mở rộng diện bao phủ và nâng cao chất lượng dịch vụ ASXH. Xuất phát từ thực trạng gần 60% lực lượng lao động phi chính thức chưa tham gia BHXH, giải pháp then chốt là mở rộng diện bao phủ BHXH, BHYT và BHTN. Nội dung chính gồm hỗ trợ mức đóng BHXH tự nguyện, đơn giản hóa thủ tục hành chính và tăng cường truyền thông chính sách. Song song, cần đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ y tế công, cải thiện năng lực khám chữa bệnh BHYT, đặc biệt ở tuyến cơ sở và vùng khó khăn. Các biện pháp bao gồm triển khai các gói bảo hiểm hấp dẫn, mở rộng hình thức thanh toán BHYT không dùng tiền mặt, giám sát sự hài lòng của người thụ hưởng.

Ba là, đổi mới mô hình trợ giúp xã hội theo hướng đa chiều và linh hoạt. Trợ giúp xã hội hiện nay chủ yếu hỗ trợ thu nhập đơn lẻ, trong khi nhu cầu người nghèo và yếu thế mang tính đa chiều (việc làm, y tế, giáo dục...). Do đó, cần đổi mới mô hình theo hướng tích hợp chính sách: hỗ trợ có điều kiện, theo nhu cầu và năng lực của đối tượng. Nội dung giải pháp bao gồm phát triển mô hình “hỗ trợ sinh kế bền vững”, kết hợp trợ cấp với đào tạo nghề, vay vốn, tư vấn pháp lý. Biện pháp thực

hiện gồm thử nghiệm tại các địa phương có tỷ lệ nghèo cao, huy động vai trò của tổ chức xã hội và công nghệ số để theo dõi hiệu quả chính sách.

Bốn là, ứng dụng công nghệ số và tăng cường giám sát, phản biện xã hội. Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia, ứng dụng công nghệ trong ASXH là điều kiện tất yếu để minh bạch, hiệu quả và hướng đến người dân. Đồng thời, cần phát huy vai trò giám sát của xã hội, đảm bảo công khai và trách nhiệm giải trình. Nội dung bao gồm xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về ASXH tích hợp với dữ liệu dân cư và việc làm, số hóa quy trình chi trả và giải quyết hồ sơ. Biện pháp thực hiện: hoàn thiện khung pháp lý về dữ liệu, đào tạo cán bộ công nghệ, đồng thời trao quyền cho Mặt trận Tổ quốc, báo chí và người dân trong giám sát chính sách ASXH.

III. KẾT LUẬN

An sinh xã hội là một trong những nền tảng cốt lõi để hiện thực hóa công bằng xã hội, đảm bảo phát triển bao trùm và bền vững. Trong những năm qua, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong xây dựng và phát triển hệ thống an sinh xã hội, góp phần giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống và củng cố ổn định chính trị – xã hội. Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển mới, nhất là già hóa dân số, lao động phi chính thức gia tăng, tác động của biến đổi khí hậu và chuyển đổi số, hệ thống ASXH vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức. Vì vậy, cần tiếp tục hoàn thiện thể chế pháp luật, đổi mới mô hình thực thi, hiện đại hóa nền tảng quản trị và tăng cường sự tham gia của toàn xã hội. Chỉ khi mọi người dân – đặc biệt là nhóm yếu thế – được bảo vệ đầy đủ, chủ động trước rủi ro, thì công bằng xã hội mới có thể được hiện thực hóa một cách sâu rộng và bền vững trong tiến trình phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bảo hiểm xã hội Việt Nam (2023), Niên giám thống kê ngành BHXH năm 2023, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.
2. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2024), Báo cáo tổng kết ngành Lao động – Thương binh và Xã hội năm 2023, Hà Nội.
3. Bộ Y tế (2023), Niên giám thống kê y tế Việt Nam năm 2023, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
4. ILO – International Labour Organization (2023), World Social Protection Report 2023–2025: Universal Social Protection to Ensure Dignity for All, Geneva.
5. Tổng cục Thống kê (2024), Báo cáo tình hình kinh tế – xã hội năm 2023, Hà Nội.
6. VNEconomy (2024), “Tỷ lệ hộ nghèo trong cả nước là 2,93%...”, truy cập tại: <https://vneconomy.vn>
7. World Bank (2023), Vietnam Social Protection Review, World Bank, Washington, D.C.